

Bản án số: **101/2026/HS-PT**

Ngày: 08 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Bà Hoàng Ngọc Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (**Cơ sở C**) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2026/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo **Đỗ Trọng K**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2026/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Phú Thọ.

Bị cáo có kháng cáo:

ĐỖ TRỌNG K, sinh ngày 28/11/1991 tại **xã S, thành phố Hà Nội**. Nơi cư trú: **thôn Đ, S, thành phố Hà Nội**; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số 001091015116; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Đỗ Trọng H** và bà **Nguyễn Thị H1**; có vợ là **Phạm Thị Thu H2**, con có 01 con: sinh năm 2023.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Tại Bản án số 26/2018/HSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, xử phạt bị cáo **Đỗ Trọng K** 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 3 **Công an tỉnh P**, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Trọng K là người có giấy phép lái xe hạng B2 do Sở Giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 31/3/2021, có hiệu lực đến ngày 31/3/2031. Khoảng 11 giờ trưa ngày 25/5/2025 Đỗ Trọng K một mình điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29K-057.78, loại xe tải thùng chở hàng đi từ huyện T, tỉnh Bắc Giang đến huyện T, tỉnh Thanh Hóa để tiêu thụ. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày K điều khiển xe đi đến đoạn đường Q hướng huyện N, tỉnh Ninh Bình đi huyện Y, tỉnh Hòa Bình thuộc địa phận xóm T, xã Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm T, xã Y, tỉnh Phú Thọ). Lúc này K đi với tốc độ khoảng 50Km/h và đi tại phần đường bên phải, K có quan sát về phía trước cách vị trí xe của K khoảng 50m có 01 xe tải thùng đang dừng cùng chiều tại phần đường bên phải, phía trước ngược chiều cách vị trí của K khoảng 150m có 01 xe mô tô biển kiểm soát 35N6-1419 do Bùi Văn L điều khiển chở theo 03 cháu nhỏ là: Bùi Thị Khánh L1; Bùi Khánh D và Bùi Ngọc K1 đang đi đến. Thấy vậy thì K vẫn điều khiển xe đi bình thường, khi còn cách đuôi xe ô tô tải đang dừng khoảng 10m thì bất ngờ từ phía sau bên phải có 01 xe mô tô ba bánh (loại xe lam) vượt lên từ bên phải xe ô tô của K, nhưng K vẫn đánh lái sang phần đường bên trái để vượt xe mô tô ba bánh và xe tải nêu trên thì đúng lúc này xe mô tô do Bùi Văn L điều khiển đi ngược chiều cũng đi đến. Thấy vậy thì K có đạp phanh nhưng do khoảng cách gần nên phần đầu xe bên trái xe ô tô của K đã đâm vào xe mô tô do Bùi Văn L điều khiển dẫn đến tai nạn, sau khi va chạm thì xe của K tiếp tục đi về phía trước khoảng một đoạn thì mới dừng hẳn. Hậu quả: Bùi Văn L bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ thương tích là 86%, Bùi Khánh D tỷ lệ thương tích là 02%, Bùi Thị Khánh L1 tỷ lệ thương tích là 75%, Bùi Ngọc K1 tỷ lệ thương tích là 68%; xe ô tô tải và xe mô tô bị hư hỏng.

Ngay sau khi tai nạn xảy ra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã tiến hành đo nồng độ cồn và kiểm tra chất ma túy đối với người điều khiển xe ô tô Đỗ Trọng K cho kết quả: Trong hơi thở của K không có nồng độ cồn và âm tính với chất ma túy.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định như sau:

Hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra tại Km 36 + 700m, Quốc lộ A, thuộc địa phận xóm T, xã Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm T, xã Y, tỉnh Phú Thọ) còn nguyên vẹn. Đây là đoạn đường thẳng, mặt đường rải nhựa, chiều rộng lòng đường là 6,50m. T đường đến mép đường chuẩn là 3,25m.

- Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn: Xác định mốc lộ giới H7/36 Quốc lộ A nằm phía bên phải (hướng đi từ thị trấn N đi thị trấn H) làm mốc cố định.

- Về dấu vết:

+ Hiện trường vụ tai nạn giao thông để lại vết chà sát trên mặt đường nằm ở làn đường bên trái (hướng đi từ thị trấn N đi thị trấn H) trong sơ đồ ký hiệu là (1) có kích thước 7,70 x 0,45m dính tạp chất màu đen được xác định là vết chà sát của lốp xe ô tô phía sau bên trái xuống mặt đường chiều hướng đi của xe. Đầu 01 cách

mép đường là: 1,97m; Đầu 01 cách M là: 42,95m; Cuối 01 cách mép đường là: 2,70m; Cuối 01 cách M là: 33,80m.

+ Hiện trường vụ tai nạn giao thông để lại vết chà sát của lốp xe ô tô phía sau bên phải trên mặt đường nằm ở làn đường bên trái (hướng đi của xe ô tô có kích thước 3,95 x 0,45m dính tạp chất màu đen: Đầu 02 cách mép đường là: 3,20m; Đầu 02 cách M là: 40,15m; Cuối 02 cách mép đường là: 3,25m; Cuối 02 cách M là: 32,95m. Đồng thời có vết chà sát của lốp xe ô tô phía trước bên phải xuống mặt đường nằm ở làn đường bên trái (hướng đi của xe ô tô, có kích thước 6,05 x 0,20m dính tạp chất màu đen: Đầu 03 cách mép đường là: 2,02m; Đầu 03 cách M là: 38m; Cuối 03 cách mép đường là: 2,16m; Cuối 03 cách M là: 29,1m.

+ Mặt đường có vết chà sát của lốp bánh trước xe mô tô trên mặt đường nằm ở làn đường bên trái (hướng đi từ thị trấn N đi thị trấn H), có kích thước 3,50 x 0,07m: Cách mép đường là: 1,75m; Đầu 04 cách M là: 34,70m; Cuối 04 cách mép đường là: 2,28m; Cuối 04 cách M là: 29,42m.

+ Hiện trường vụ tai nạn giao thông để lại nhiều vết máu trên mặt đường và một số phần mảnh nhựa vỡ nằm ở làn đường bên trái (hướng đi từ thị trấn N đi thị trấn H)

+ Hiện trường có một xe mô tô biển số: 35N6 - 1419 nằm ở làn đường bên trái (hướng đi từ thị trấn N đi thị trấn H) đầu phương tiện hướng ra tâm đường, phần đuôi xe hướng về mép đường chuẩn. Trong sơ đồ ký hiệu là (9): Trục trước xe mô tô cách mép đường là: 02m; Trục sau xe mô tô cách mép đường là: 1,05m. Cùng một xe ô tô biển số: 29K- 057.78 nằm ở làn đường bên trái (hướng đi từ thị trấn N đi thị trấn H) đầu xe ô tô hướng đi từ thị trấn N đi thị trấn H. Trong sơ đồ ký hiệu là (10): Trục sau bên trái xe ô tô cách M là: 36,50m; Trục trước bên trái xe ô tô cách M là: 32m.

Từ các tài liệu, dấu vết đã thu thập được trên hiện trường và trên phương tiện xác định: điểm va chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát: 35N6 - 1419 (9) và xe ô tô biển kiểm soát: 29K - 057.78 nằm trên bề mặt lề đường trái hướng đi từ thị trấn N đi thị trấn H.

Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông:

Các dấu vết để lại trên hai phương tiện phù hợp với các dấu vết để lại hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án: xe ô tô biển kiểm soát: 29K-057.78 hư hỏng tại phần đầu xe, bên trái (Kính chắn gió, mặt nạ ca-lăng, lưới tản nhiệt, cụm đèn chiếu sáng, đèn gầm và chắn bùn bên trái phía trước) với đặc điểm móp méo, nứt vỡ theo hướng từ trước ra sau; xe mô tô biển kiểm soát: 35N6-1419 hư hỏng nặng toàn bộ cụm đầu xe, chắn bùn trước gãy rơi, vành bánh trước cong vênh, lốp trước có vết mài trượt và giảm xóc trước có vết mài trượt, bám dính tạp chất. Các dấu vết nêu trên phù hợp với cơ chế va chạm giữa phần đầu xe mô tô biển kiểm soát: 35N6-1419 với phần đầu trước, bên trái của xe ô tô biển

kiểm soát: 29K-057.78. Sau va chạm, xe mô tô biển kiểm soát: 35N6-1419 đổ nghiêng và trượt trên mặt đường, tạo các vết mài trượt trên lớp và giảm sóc trước.

Kết quả trung cầu giám định:

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số B08/KLTTCT-TTPY, ngày 15/09/2025 của Trung tâm pháp y **Sở y tế tỉnh P** kết luận: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Bùi Văn L** tại thời điểm giám định là: 86% (Tám mươi sáu phần trăm), Kết luận khác: Gãy xương sườn V bên trái, xương sườn VI, VII bên phải mâu thuẫn giữa các hồ sơ bệnh án do Cơ quan điều tra cung cấp, nạn nhân từ chối chụp CLVT nên chưa xác định tỷ lệ tổn hại. Đề nghị cho giám định bổ sung.

Ngày 15/10/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** đã ra Quyết định trung cầu giám định bổ sung số D1233/QĐ-VPCQCSĐT giám định bổ sung tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Bùi Văn L**.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số B56/KLTTCT-TTPY, ngày 23/10/2025 của Trung tâm pháp y **Sở y tế tỉnh P** kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y** quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Bùi Văn L** tại thời điểm giám định là: 86% (Tám mươi sáu phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số B04/KLTTCT-TTPY, ngày 29/8/2025, đối với **Bùi Khánh D** của Trung tâm pháp y **Sở y tế tỉnh P** kết luận: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Bùi Khánh D** tại thời điểm giám định là: 02% (Hai phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số B09/KLTTCT-TTPY, ngày 29/8/2025 của Trung tâm pháp y **Sở y tế tỉnh P** đối với **Bùi Khánh L1**, kết luận: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Bùi Thị Khánh L1** tại thời điểm giám định là: 75% (Bảy mươi lăm phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số B07/KLTTCT-TTPY, ngày 13/8/2025 của Trung tâm pháp y **Sở y tế tỉnh P**, đối với **Bùi Ngọc K1**, kết luận: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Bùi Ngọc K1** tại thời điểm giám định là: 68% (Sáu mươi tám phần trăm).

Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2026/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Phú Thọ đã quyết định: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Tuyên bố bị cáo **Đỗ Trọng K** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/9/2025.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/3/2026 bị cáo **Đỗ Trọng K** có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thời hạn kháng cáo và thủ tục thực hiện quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện trong thời hạn và đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nêu tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nêu về nhân thân của bị cáo có một tiền án (Chưa được xóa án tích) nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Xét thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gia đình có Bố đẻ được tặng giấy khen, nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bản thân có thời gian phục vụ trong quân đội, nhưng không được tặng thưởng danh hiệu gì, đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại của bản án trước, có nhiều người có công với cách mạng, tuy nhiên các tình tiết này có công chứng, chứng thực, nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương về mối quan hệ thân nhân, do vậy không có cơ sở xem xét áp dụng. Mặc dù bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng không làm thay đổi bản chất của hành vi phạm tội, do đó không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 10/2026/HS-ST ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Phú Thọ. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1]. Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, những người tham gia tố tụng không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, bị cáo có đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, một lần nữa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện giao thông, kết luận giám định và lời khai những người tham gia tố tụng khác, cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án nhân dân khu vực 17 – Phú Thọ đã xét xử bị cáo **Đỗ Trọng K** về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin được giảm hình phạt của bị cáo:

Hội đồng xét xử thấy rằng ; Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến người và phương tiện khác tham gia giao thông. Xét bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có giấy phép lái xe theo quy định, nhận thức rõ việc điều khiển phương tiện tham gia giao thông không chấp hành đúng quy tắc an toàn có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Việc bị cáo điều khiển phương tiện vượt xe không đúng quy định, khi có chướng ngại vật phía trước, lấn hoàn toàn sang phía bên trái đường của phương tiện đi ngược chiều, dẫn đến va chạm với xe mô tô đi ngược chiều, lỗi hoàn toàn do bị cáo gây ra, hậu quả làm 04 người bị thương, với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 231%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo 07 năm 09 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, bản thân có thời gian phục vụ trong quân đội, đã tự nguyện nộp 20.000.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại của bản án trước, gia đình có chú là **Đỗ Trọng Đ** được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, có Ông nội được tặng thưởng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, bố đẻ được tặng giấy khen, và nhiều người thân trong gia đình có thành tích trong công tác, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, việc đề nghị của Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Đỗ Trọng K.** Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 10/2026/HS-ST ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Phú Thọ. Cụ thể:

Căn cứ khoản 3 Điều 260, các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo **Đỗ Trọng K** phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Xử phạt bị cáo 07 (**B**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 24/9/2025.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/7/2026).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 17 - Phú Thọ;
- TAND khu vực 17 - Phú Thọ;
- Phòng THADS KV 17 - Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng